

Số: /BC-STNMT

Lào Cai, ngày tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2023;
Phương hướng, nhiệm vụ năm 2024

Năm 2023, là năm bản lề, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện và phân đầu hoàn thành mục tiêu của các kế hoạch 5 năm 2021-2025, thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/1/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023; Nghị quyết số 35-NQ/TU ngày 01/12/2022 của Tỉnh ủy Lào Cai về phương hướng, nhiệm vụ năm 2023; Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 tỉnh Lào Cai; Quyết định số 3389/QĐ-UBND ngày 09/12/2023 của UBND tỉnh Lào Cai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh về một số giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Chương trình công tác trọng tâm năm 2023 của UBND tỉnh số 01/CTr-UBND ngày 06/01/2023.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng Chương trình, kế hoạch, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể đến từng phòng, đơn vị thuộc Sở, tập trung, thống nhất, triển khai đồng bộ, kịp thời và có hiệu quả các giải pháp trên các lĩnh vực công tác. Chỉ đạo, đôn đốc, đánh giá tiến độ thực hiện các nội dung chỉ đạo hàng tuần, qua đó kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để giải quyết. Chủ động phối hợp với các ngành, địa phương tham mưu giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ của ngành, quyết tâm thực hiện hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, góp phần hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI.

Với những kết quả đã đạt được trong năm 2023, ngành Tài nguyên và Môi trường đã góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng của tỉnh.

Phần thứ nhất**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2023****I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG**

Đảng bộ Sở Tài nguyên và Môi trường hiện có 123 đảng viên (trong đó, 110 đảng viên chính thức, 13 đảng viên dự bị) sinh hoạt tại 05 Chi bộ trực thuộc Sở. Về trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 01 đồng chí, chiếm 0,8%; thạc sĩ 35 đồng chí, chiếm 28,5%; đại học, cao đẳng 84 đồng chí, chiếm 68,3%; trình độ khác 03 đồng chí, chiếm 2,4%. Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp 25 đồng chí, chiếm 20,3%; trung cấp 50 đồng chí, chiếm 40,7%. Đảng viên là dân tộc thiểu số 10 đồng chí, chiếm 8,1%.

Trong năm, Đảng ủy Sở luôn chú trọng, đổi mới phương pháp tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng, chất lượng tuyên truyền, quán triệt, học tập các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Nêu cao vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên gắn với việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, cán bộ, đảng viên ngày càng hoàn thiện về mọi mặt, tạo sự đồng thuận cao. Cấp ủy, chính quyền cơ quan, đơn vị luôn gương mẫu, thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy, quy chế cơ quan; chính sách, pháp luật của Nhà nước; những quy định của Đảng. Tổ chức đánh giá, phân xếp loại chi bộ, đảng viên đúng quy định.

Xác định công tác phát triển đảng viên mới là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, nhằm tạo nguồn kế thừa và phát triển liên tục của Đảng, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay. Từ đầu năm đến nay, Đảng ủy Sở đã chuyển đảng chính thức cho 01 đảng viên dự bị, tổ chức kết nạp đảng viên cho 14 quần chúng ưu tú; cử 13 quần chúng ưu tú hoàn thành lớp bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng. Thực hiện chuyển sinh hoạt Đảng cho 06 đảng viên chuyển công tác và nghỉ chế độ về sinh hoạt tại Đảng bộ mới.

Đảng ủy Sở đã chỉ đạo giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, đảng viên nêu cao tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình đảm bảo sự thống nhất trong toàn Đảng bộ.

Công tác kiểm tra, giám sát luôn được Đảng ủy Sở quan tâm chỉ đạo hoàn thành chương trình, kế hoạch đã đề ra. Đảng ủy và UBKT Đảng ủy Sở đã ban hành Chương trình và tiến hành kiểm tra, giám việc thực hiện chức trách nhiệm vụ, quy định điều lệ Đảng, việc quán triệt và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII; việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Sở nhiệm kỳ 2020-2025; trách nhiệm nêu gương theo các quy định của Đảng;... đối với 04 Chi bộ, 04 đảng viên. Qua kiểm tra, giám sát, các Chi bộ và đảng viên đều chấp hành tốt các quy

định của Đảng, hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao, không có Chi bộ, đảng viên nào có khuyết điểm, vi phạm.

II. CÔNG TÁC THAM MƯU BAN HÀNH VĂN BẢN, TỔ CHỨC BỘ MÁY, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

1. Công tác tiếp nhận, tham mưu, ban hành văn bản:

Trong năm 2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận hơn 19.000 văn bản đến và trực tiếp xây dựng, ban hành trên 6000 văn bản để tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Bên cạnh đó, các văn bản của các cấp, các ngành đều được Sở triển khai, tập trung chỉ đạo, giải quyết kịp thời, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Tham mưu xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành 09 văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực của ngành¹. Ngoài ra, Sở cũng tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo và hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện tốt các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực của ngành.

2. Công tác tổ chức bộ máy, cán bộ:

Đã rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ, lãnh đạo quản lý năm 2023, giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031. Thực hiện bổ nhiệm mới 08 người, điều động và bổ nhiệm 01 người, bổ nhiệm lại 02 người, bổ nhiệm lại kế toán trưởng 02 người; Tiếp nhận 01 công chức, 02 viên chức, tiếp nhận vào làm công chức là 01 người, điều chuyển công tác sang đơn vị mới đối với 01 công chức, 01 viên chức, điều động nội bộ 01 công chức, thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác đối với 04 vị trí (11 người) và các vị trí thực hiện việc chuyển đổi, điều động, tiếp nhận đảm bảo đúng quy định.

Thực hiện quy trình nghỉ thôi việc theo nguyện vọng cá nhân cho 01 công chức. Xét duyệt quyết định nâng bậc lương trước thời gian cho 15 công chức, viên chức; nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung cho 58 công chức, viên chức; chuyển ngạch cho 14 viên chức.

Thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá, phân xếp loại công chức, viên chức của Sở năm 2023. Tổng số công chức, viên chức, người lao động đánh giá, phân xếp loại trong năm 2023 là 251 người, kết quả: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 48 người, chiếm 19,1%; Hoàn thành tốt nhiệm vụ 198 người, chiếm 78,9%;

1. *Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND* ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Bảng giá đất 05 năm (2020 -2024) trên địa bàn tỉnh Lào Cai; *Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND* ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung về hỗ trợ đất ở và định mức đất sản xuất để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; *Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND* ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai; *Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND* ngày 20/6/2023 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đai đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Lào Cai; *Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND* ngày 28/6/2023 của UBND tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ, thời điểm xem xét để tách thành dự án độc lập đối với phần diện tích đất trong khu đất thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai; *Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND* ngày 05/9/2023 về việc bãi bỏ Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Lào Cai; *Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND* ngày 12/12/2023 về sửa đổi, bổ sung một số Quyết định quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai; *Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND* ngày 13/12/2023 về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung của Quyết định số 66/2014/QĐ-UBND ngày 14/11/2014 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai; *Quyết định số 42/2023/QĐ-UBND* ngày 13/12/2023 về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Hoàn thành nhiệm vụ 03 người, chiếm 1,2%; Không hoàn thành nhiệm vụ 02 người, chiếm 0,8%.

3. Công tác cải cách hành chính:

Công tác cải cách hành chính luôn được chú trọng chỉ đạo thực hiện. Ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung CCHC theo đúng quy định. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “Một cửa”, “một cửa liên thông”; kết quả giải quyết TTHC đúng hạn đạt 98,4%, tỷ lệ hồ sơ giải quyết chậm muộn còn 1,6%; thực hiện công khai, minh bạch 97 TTHC lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, trên Cổng thông tin điện tử của Sở và tích hợp trên Cổng DVC quốc gia. Thực hiện đảm bảo thời gian giải quyết TTHC đã cắt giảm trên 30% thời gian giải quyết đối với 26 TTHC. Hoàn thành việc xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt Danh mục và quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC đối với 116 TTHC lĩnh vực tài nguyên và môi trường ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã; đánh giá, tái cấu trúc toàn bộ quy trình nghiệp vụ các dịch vụ công đã cung cấp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia. Triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện trong việc giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Xây dựng và ban hành hướng dẫn nội bộ người dân, doanh nghiệp đăng ký tài khoản và nộp hồ sơ trực tuyến lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên cổng dịch vụ công quốc gia. Hướng dẫn được đăng tải trên Cổng TTĐT để tiện cho việc tìm hiểu thông tin của tổ chức, cá nhân. Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC về đất đai theo nhu cầu đối với 03 TTHC phát sinh nhiều hồ sơ.

Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số và Đề án 06/CP của Chính phủ năm 2023. Từ đầu năm đến nay, Sở đã tiếp nhận, xử lý **8.696 hồ sơ**, trong đó có **5.486 hồ sơ** nhận trực tiếp và **3.210 hồ sơ** nhận trực tuyến đối với *Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ)*, chiếm 37% số hồ sơ tiếp nhận. Thực hiện số hóa hoàn toàn **45.197 hồ sơ**, đạt 100% số hồ sơ đã tiếp nhận giải quyết.

Đặc biệt, từ khi hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thì thủ tục hành chính về đất đai đã được thực hiện 100% trên môi trường điện tử, liên thông phần mềm “Một cửa” điện tử với phần mềm xử lý nghiệp vụ của Cơ quan thuế và liên thông với Hệ thống tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai quốc gia đảm bảo từ khâu tiếp nhận đến khi trả kết quả. Qua đó, quá trình giải quyết các thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai được minh bạch hơn và giảm tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC chậm muộn duy trì ở mức 1,6% theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

Xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện có hiệu quả quy trình ISO 9001:2015 đang thực hiện tại Sở. Tiếp nhận và trả lời đúng quy định 44 câu hỏi trên Cổng thông tin điện tử của Sở. Đăng tải, cập nhật kịp thời 414 thông tin, bài viết lên Cổng thông tin điện tử của Sở.

Ngoài ra, Sở đã tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả 03 nội dung đã được UBND tỉnh phân cấp, ủy quyền cho Sở thực hiện từ năm 2021 đến nay, gồm: (1) ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện thu hồi đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Lào Cai; (2) ủy quyền cho Sở cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cho các tổ chức (*trừ Dự án nhà ở thương mại, dự án đô thị*); (3) ủy quyền chủ trì tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND tỉnh. Việc ủy quyền này đã tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương và các chủ đầu tư dự án chủ động trong việc xây dựng kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cắt giảm TTHC có liên quan, đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng các công trình, dự án; “cắt giảm” được các bước trong quy trình giải quyết TTHC “*Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu*” và TTHC “*Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường*” đối với trường hợp được ủy quyền mà vẫn đảm bảo theo quy định của pháp luật; giúp đơn vị chủ động hơn trong việc giải quyết TTHC, nâng cao vai trò trách nhiệm của đơn vị, đẩy nhanh tiến độ giải quyết TTHC trước và đúng hạn theo quy định.

4. Công tác thi đua khen thưởng:

Công tác thi đua khen thưởng luôn được Cấp ủy Đảng, lãnh đạo Sở quan tâm, chỉ đạo sát sao, coi đây là động lực, là đòn bẩy để khuyến khích, động viên tập thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành quyết tâm, nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Thực hiện tốt vai trò của đơn vị trưởng khối, đã phát động và tham gia đầy đủ, nhiệt tình hoạt động thể dục thể thao của Khối thi đua Các ngành quản lý Kinh tế tổng hợp tỉnh Lào Cai; khối cụm Thi đua các Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh Tây Bắc. Tổng kết năm 2023, Hội đồng thi đua khen thưởng của Sở đã xét và công nhận 40 sáng kiến của 52 cá nhân; công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến cho 17 tập thể, 244 cá nhân; công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở cho 37 cá nhân; đề nghị trình UBND tỉnh tặng Bằng khen cho 02 tập thể, 06 cá nhân; tặng Cờ thi đua cho 02 tập thể; công nhận danh hiệu Tập thể xuất sắc cho 01 tập thể; trình Bộ Tài nguyên và Môi trường tặng Bằng khen cho 02 tập thể, 16 cá nhân; trình Chủ tịch Nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba cho 01 cá nhân, trình Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho 03 cá nhân.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN

1. Kết quả thực hiện Đề án số 09-ĐA/TU của Tỉnh ủy:

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 08/02/2023 về triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai” năm 2023. Chủ động rà soát, tập trung thực hiện

các nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 65/KH-UBND theo đúng thẩm quyền, quy định của pháp luật; đồng thời, tổng hợp, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương thực hiện 05 dự án thành phần² nhưng vẫn chưa triển khai thực hiện. Hiện tại, Sở đã triển khai thực hiện 04 dự án thành phần³.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu cụ thể:

(1) Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt **đạt 100% kế hoạch**.

(2) Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với các loại đất sản xuất nông nghiệp, đất ở và đất phi nông nghiệp **đạt 100% mục tiêu kế hoạch**.

(3) Việc thực hiện lắp đặt trạm cân, camera giám sát đối với các mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh để kiểm soát sản lượng: Có 50 giấy phép đã lắp đầy đủ trạm cân và camera giám sát, **đạt 66,6% kế hoạch**.

(4) Công tác phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực đô thị tiếp tục được triển khai thực hiện theo quy định Luật Bảo vệ môi trường 2020. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt **đạt 96% (vượt mục tiêu đề án)**; được xử lý triệt để tại các bãi chôn lấp hợp vệ sinh và nhà máy xử lý **đạt 75% (đạt mục tiêu Đề án)**.

(5) Tổng thu ngân sách từ khai thác, chế biến, chế biến sâu sử dụng nguyên liệu là khoáng sản 11 tháng đầu năm 2023 đạt 1.705,029 tỷ đồng, **đạt 74,13% kế hoạch**.

(6) Thu ngân sách từ tài nguyên nước đến hết tháng 11/2023: 383,3 tỷ đồng, **đạt 58,9% KH**.

(7) Cơ bản 100% nước thải sinh hoạt từ các khu đô thị loại IV trở lên được thu gom xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải của các hộ gia đình và các hộ kinh doanh.

(8) Cơ bản tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động y tế được thu gom, phân loại và xử lý theo đúng quy định, tỷ lệ thu gom, xử lý đạt khoảng 100% lượng chất thải phát sinh.

(9) Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải khu vực nông thôn tăng, **đạt 80% (hoàn thành mục tiêu đề án)**.

2. (1) Dự án Xây dựng CSDL Kho lưu trữ đất đai điện tử của các huyện, thị xã thuộc tỉnh Lào Cai, tổng mức đầu tư 69.266 triệu đồng; (2) Dự án Xây dựng hệ thống, giám sát khai thác sử dụng Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai 4.786.000.000 đồng; (3) Dự án: Rà soát, điều chỉnh khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định pháp luật 4.900.000.000 đồng; (4) Dự án: Kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn đến năm 2025: 3.579.724.000 đồng. (5) Dự án: Điều tra nguồn thải, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông, hồ trên địa bàn tỉnh Lào Cai: 8.879.740.880 đồng.

3. (1) Dự án Tăng cường quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (dự án VILG): Đã hoàn thành Xây dựng CSDL địa chính 152/152 xã, phường thị trấn và tích hợp lên hệ thống VBDLIS đưa vào vận hành khai thác và cơ sở dữ liệu thành phần Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thông kê kiểm kê đất đai; CSDL giá đất của 9/9 huyện, thị xã thành phố, đã được UBND tỉnh phê duyệt quyết toán hoàn thành các hạng mục dự án và đóng tài khoản thanh toán tiền IDA tại ngân hàng theo quy định; (2) Dự án Điều chỉnh bảng giá đất 5 năm 2020-2025, Sở đang rà soát lại hồ sơ trước khi trình UBND tỉnh ban hành; (3) Dự án Lập kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 tỉnh Lào Cai đã hoàn thành, trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định; (4) Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai (Đề án 86) do UBND các huyện làm chủ đầu tư, đến nay, tiến độ triển khai đề án của UBND các huyện, thị xã, thành phố đều chậm so với kế hoạch của Đề án đã được phê duyệt, một số huyện mới lựa chọn nhà thầu thi công đạt từ 20-50% khối lượng công việc.

(10) 100% khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; 86% lượng chất thải nguy hại được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; 90% khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

2. Lĩnh vực đất đai:

Công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo đặc biệt, sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; nhiều nội dung vướng mắc đã được chỉ đạo tháo gỡ kịp thời, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh.

Công tác tham mưu: Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi); Kế hoạch triển khai, rà soát và chuyển giao quản lý khai thác và sử dụng quỹ đất công năm 2023 đảm bảo đúng tiến độ được giao. Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 30/06/2023 về việc Ủy quyền quyết định giá đất cụ thể đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xử lý đối với các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở trên địa bàn thị xã Sa Pa.

Ngoài ra, Sở đã chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra công tác quản lý nhà nước về đất đai của phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, UBND cấp xã trong công tác xử lý các trường hợp đang sử dụng đất có nhà ở, xây dựng công trình trên đất chưa phù hợp với mục đích sử dụng đất. Hiện đang tổng hợp kết quả kiểm tra để báo cáo đề xuất UBND tỉnh.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Hướng dẫn rà soát điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện để phù hợp với quy hoạch tỉnh đã được Chính phủ phê duyệt. Phối hợp với đơn vị tư vấn và các đơn vị có liên quan thực hiện rà soát các chỉ tiêu sử dụng đất và hoàn thiện Tờ trình, hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2021-2025) tỉnh Lào Cai. Thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được 8/9 huyện, thị xã, thành phố; Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện đối với 9/9 huyện, thị xã, thành phố, đạt 100% kế hoạch. Thẩm định Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2024 của 8/9 huyện, thị xã, thành phố và đang trình UBND tỉnh phê duyệt.

Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh. Từ đầu năm đến nay, Sở đã thực hiện cấp Giấy chứng nhận QSD đất (cấp lần đầu và cấp đổi, cấp lại) cho tổ chức được 504 giấy, đạt 42% KH; cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân được 5.346 giấy, đạt 151% KH.

Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất: Thẩm định và trình UBND tỉnh giao đất cho 09 tổ chức; 55 tổ chức thuê đất, thu hồi đất của 42 tổ chức; chuyển mục đích sử dụng đất cho 10 tổ chức, đạt 106% KH giao. Tham mưu giải quyết vướng mắc trong việc giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất của các tổ chức.

Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính: Tổ chức thẩm định các thiết kế kỹ thuật - dự toán phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng 98 công trình, dự án; thẩm định chất lượng sản phẩm công trình phục vụ thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất 85 công trình, dự án đảm bảo thời gian và quy định.

Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng: Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn tỉnh theo đề nghị của UBND các huyện, thị xã, thành phố: Cảng hàng không tại huyện Bảo Yên, đường kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc huyện Văn Bàn, Tỉnh lộ 156 và cầu biên giới qua sông Hồng, huyện Bát Xát, Thắng cảnh Quốc gia núi Hàm Rồng, Đường vành đai 2 huyện Bắc Hà... Kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các chế độ, chính sách trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Công tác đấu giá đất, xác định giá đất: Đôn đốc các đơn vị tư vấn đẩy nhanh công tác xác định giá đất đối với các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh. Tham mưu hướng dẫn giải quyết khó khăn vướng mắc đối với công tác xác định giá đất cụ thể cho UBND các huyện, thị xã, thành phố. Tổ chức khảo sát, xác định giá đất cụ thể và trình Hội đồng thẩm định giá phương án giá đất đối với 300 công trình, dự án trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố, đạt 104% kế hoạch.

Rà soát từng bước tháo gỡ vướng mắc, khó khăn đối với các dự án đô thị, dự án khoáng sản, thủy điện. Giám định tư pháp đối với các nội dung được Công an tỉnh đề nghị đảm bảo đúng quy định. Tham gia và tham mưu UBND tỉnh đối với hoạt động tố tụng kịp thời, đảm bảo đúng quy định, không có sai sót xảy ra.

Bên cạnh kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, Sở đã tập trung thực hiện có hiệu quả đối với một số nhiệm vụ đặc thù của ngành như:

+ *Kiểm tra, rà soát, tham mưu xử lý các vi phạm về tài sản hình thành trên đất chưa phù hợp với mục đích sử dụng đất:* Tổng số hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có tài sản là nhà ở và các công trình khác trên đất chưa phù hợp với mục đích sử dụng đất phải xử lý, giải quyết là 41.522 hộ. Tính đến hết ngày 31/10/2023, các huyện, thành phố, thị xã đã thực hiện xử lý, giải quyết được 11.807 hộ, đạt 28,44% kế hoạch giao (trong đó: huyện Bảo Thắng được 1.378/6382 hộ, đạt 21,59% KH; huyện Bảo Yên được 1830/7650 hộ, đạt 23,92% KH; huyện Văn Bàn được 607/2998 hộ, đạt 20,25% KH; thành phố Lào Cai được 210/3862 hộ, đạt 5,44% KH; huyện Bát Xát được 1717/7910 hộ, đạt 21,71% KH; huyện Mường Khương được 3.656/4.431 hộ, đạt 64,32% KH; huyện Si Ma Cai 61/146 hộ, đạt 41,78% KH; huyện Bắc Hà được 632/1791 hộ, đạt 35,29% KH; thị xã Sa Pa được 1761/5099 hộ, đạt 33,65% KH).

Việc giải quyết mới chỉ tập trung vào các trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi tỉ lệ xử lý đối với các trường hợp phải di dời, tháo dỡ công trình vi phạm đạt thấp (7,25% so với KH).

+ Tham mưu, đôn đốc theo dõi quản lý chặt chẽ quỹ đất công đảm bảo yêu cầu quản lý trong tình hình mới; tuy nhiên vẫn còn tồn tại vướng mắc đối với việc

hoàn thành dữ liệu quản lý đối với đất khoáng sản; đất xây dựng cơ sở hạ tầng; đất chưa sử dụng.

+ *Đề án tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Quyết định 86/QĐ-UBND ngày 14/01/2023 (gọi tắt là Đề án 86):*

Đã tham mưu thành lập Ban chỉ đạo của tỉnh, đồng thời tham mưu nhiều văn bản đơn đốc chỉ đạo tuy nhiên đến nay tiến độ triển khai Đề án của UBND huyện đều chậm so với kế hoạch đã được phê duyệt. 06 huyện, thành phố (Bảo Yên, Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai, Bát Xát, thành phố Lào Cai) đã tổ chức thi công công trình; 02 huyện (Bảo Thắng, Văn Bàn) chưa tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu để tổ chức thi công công trình; thị xã Sa Pa chưa phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán để triển khai thực hiện.

Qua báo cáo và kiểm tra việc thực hiện tại UBND huyện còn một số tồn tại như: UBND huyện (Phòng Tài nguyên và Môi trường) chưa chủ động trong việc tham mưu, giải quyết các khó khăn, vướng mắc về ranh giới sử dụng đất giữa Ban Quản lý rừng phòng hộ và các hộ gia đình, cá nhân; công tác phối hợp giữa các đơn vị thuộc UBND huyện trong việc rà soát ranh giới, cắm mốc ranh giới đất BQL RPH còn chưa tốt; đơn vị giám sát kiểm tra nghiệm thu không có mặt, không tổ chức giám sát, kiểm tra theo tiến độ thi công của công trình; nhiều nội dung công việc theo báo cáo của chủ đầu tư và đơn vị thi công khối lượng đã đạt trên 50% cá biệt có nội dung đã đạt trên 100% khối lượng đã được phê duyệt, tuy nhiên sản phẩm cơ bản chỉ được lập ở dạng số chưa có sản phẩm dạng giấy (sản phẩm có giá trị pháp lý).

(Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cụ thể tại biểu kèm theo)

3. Lĩnh vực Khoáng sản - Nước:

3.1. Lĩnh vực khoáng sản:

Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản thời gian qua được quan tâm chỉ đạo sát sao. Chủ động phối hợp với các đơn vị, địa phương trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp. Bám sát các nội dung hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh để tham mưu giải quyết các vụ việc phát sinh, các khó khăn, vướng mắc và đề nghị của doanh nghiệp. Hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã đi vào ổn định, đóng góp không nhỏ vào sự phát triển KT-XH tỉnh.

Công tác tham mưu: Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Phương án quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh; phê duyệt danh mục không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND tỉnh. Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng CP về việc phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; việc rà soát, điều chỉnh khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; việc thu hồi và sử dụng bã sàng sau chế biến cao lanh thôn Sơn Mãn, xã Vạn Hòa; rà soát tổng thể hoạt động từ năm 2010 đến nay các dự án khai thác, chế biến khoáng sản; rà soát, thống kê toàn bộ các mỏ VLXD thông thường có trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác

không đảm bảo theo Điều 40, NĐ số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ; xem xét, giải quyết đề nghị khai thác tận thu quặng apatit tại khai trường 26; tăng cường hiệu quả công tác thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;...

Báo cáo UBND tỉnh về tình hình chấp hành của các dự án hoạt động khoáng sản làm VLXD trên địa bàn tỉnh; công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản và tình hình hoạt động khoáng sản năm 2022; kết quả công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, đấu giá quyền khai thác khoáng sản, xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản năm 2022; ...

Công tác thẩm định, cấp phép: Tham mưu thẩm định, trình UBND tỉnh cấp 07 giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản; cấp 07 Bản xác nhận đăng ký khai thác VLXDTT trong phạm vi diện tích của Dự án công trình; thu hồi 01 Giấy phép khai thác khoáng sản; phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 08 mỏ với số tiền 20.072.274.705 đồng; phê duyệt trữ lượng khoáng sản đối với 05 mỏ.

Công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Thực hiện quy trình đấu giá và trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại 05 điểm mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai; phê duyệt danh mục các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn Lào Cai.

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khoáng sản: Tổ chức 33 cuộc kiểm tra đối với 42 mỏ khoáng sản, trong đó tập trung vào hiện trạng khu vực đề nghị cấp phép thăm dò, điều chỉnh, gia hạn giấy phép, khu vực đăng ký khai thác trong diện tích đất dự án xây dựng công trình. Qua đó, yêu cầu các đơn vị hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo quy định và thực hiện đầy đủ các quy định về khai thác, quản lý khoáng sản.

3.2. Lĩnh vực tài nguyên nước:

Công tác tham mưu: Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và thực hiện Kế hoạch hưởng ứng Ngày nước thế giới, Ngày khí tượng thủy văn thế giới, chiến dịch Giờ Trái Đất năm 2023; Kế hoạch triển khai Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng – Thái Bình trên địa bàn tỉnh Lào Cai, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tham mưu triển khai thực hiện nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ; rà soát danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp không phù hợp quy hoạch đô thị; đôn đốc chấp hành quy định của pháp luật về tài nguyên nước trong phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Luật Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2012-2022; tổng kết thi hành Luật khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Lào Cai; tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016-2021.

Công tác thẩm định, cấp phép: Thẩm định, trình UBND tỉnh cấp và Giám đốc Sở cấp 02 giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; 03 giấy phép khai thác, sử

dụng nước dưới đất; phê duyệt cấm mốc chỉ giới bảo vệ đập, hồ chứa 03 thủy điện; hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của 06 dự án.

Công tác kiểm tra: Kiểm tra công trình khai thác nước dưới đất của các tổ chức. Phối hợp kiểm tra các trạm thời tiết tổng hợp, trạm đo mưa tự động; đánh giá kỹ thuật trạm quan trắc nước sông Chảy; tình hình duy trì dòng chảy tối thiểu và thực hiện các quy định của pháp luật về tài nguyên nước của công trình thủy điện Bắc Hà; tình hình chấp hành quy định của pháp luật về khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

Công tác khác: Đôn đốc các đơn vị liên quan rà soát danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp không phù hợp quy hoạch đô thị; chấp hành quy định của pháp luật về tài nguyên nước trong phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; các chủ công trình khai thác, sử dụng nước lắp đặt thiết bị giám sát lưu lượng khai thác, sử dụng nước theo quy định.

4. Lĩnh vực bảo vệ môi trường:

Công tác tham mưu: Xây dựng dự thảo, trình UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Kế hoạch hành động và ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch triển khai Đề án giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh năm 2023; Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2023; Xây dựng và triển khai Kế hoạch tổ chức Tháng hành động vì môi trường hưởng ứng Ngày Quốc tế đa dạng sinh học và ngày Môi trường thế giới năm 2023.

Tham mưu báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện các chỉ tiêu nhóm I, Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2022 của tỉnh Lào Cai; công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2022; kết quả thực hiện công tác ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2022; kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về tăng cường quản lý tài nguyên, BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu; kết quả triển khai thực hiện công tác thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn năm 2022; kết quả kiểm tra hiện tượng một số loại cây trồng bị héo lá tại thôn Mường 1, xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng; tình hình sự cố vỡ cống D2000 hồ thải quặng đuôi nhà máy tuyển đồng Tả Phời, xã Tả Phời, thành phố Lào Cai và đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo tạm dừng hoạt động nhà máy tuyển đồng Tả Phời xã Tả Phời, thành phố Lào Cai.

Công tác thẩm định, cấp phép: Thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt báo cáo ĐTM 24 dự án; 43 hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; 09 hồ sơ đóng cửa mỏ; tiếp nhận 10 hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.

Công tác kiểm tra: Công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh được tăng cường. Hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm luôn bám sát theo các địa bàn và các lĩnh vực có nổi cộm trên địa bàn tỉnh. Từ đầu năm đến nay, đã tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT đối với 57 cơ sở sản xuất kinh doanh. Kịp thời nắm bắt, tham mưu giải quyết các vấn đề môi trường phát

sinh như: Phối hợp tham mưu xử lý sự cố vỡ vỡ cống D2000 hồ thải nhà máy tuynđồng Tả Phời; kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với dự án tiểu khu đô thị mới số 16, thành phố Lào Cai; kiểm tra đột xuất việc đổ đất đá thải tại dự án tiểu khu đô thị mới 16, phường Xuân Tăng, thành phố Lào Cai của Công ty Cổ phần Kosy; ... Phối hợp Đoàn giám sát của Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức giám sát các cơ sở sản xuất kinh doanh trong KCN Tăng Loỏng.

Công tác quản lý chất thải: Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 96%. Tỷ lệ tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt đạt 65%. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải khu vực nông thôn đạt 80%. Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý năm cuối kỳ theo QĐ 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ đạt 60%. Hiện trên địa bàn tỉnh còn 02 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng chưa được xử lý. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động công nghiệp đạt 89%; Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động y tế đạt 100%. Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực sông đạt khoảng 27%.

Hoạt động quan trắc: Lấy và phân tích 542 mẫu nước mặt và 55 mẫu nước mưa axit. Qua kết quả phân tích so sánh với quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép. Quản lý, vận hành 03 trạm quan trắc tự động, liên tục môi trường không khí xung quanh tại khu công nghiệp Tăng Loỏng, Trạm quan trắc tự động liên tục môi trường nước mặt xuyên biên giới và 06 trạm quan trắc tài nguyên nước.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo:

Tổ chức 12 buổi tiếp công dân định kỳ, 07 buổi tiếp công dân thường xuyên; tiếp nhận và giải quyết theo thẩm quyền 161 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

Tiến hành kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; thanh tra công tác giao đất, chuyên mục đích sử dụng đất, cấp GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện tại thị xã Sa Pa, giai đoạn 2017-2021 tại thị xã Sa Pa; kiểm tra 84 cuộc đối với 116 đơn vị. Qua thanh tra, kiểm tra đã trình UBND tỉnh xử phạt vi phạm hành chính đối với 08 tổ chức, cá nhân với tổng số tiền 2,3 tỷ đồng; ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với 12 tổ chức, 70 cá nhân với tổng số tiền xử phạt gần 1,2 tỷ đồng. Đồng thời, yêu cầu các tổ chức, cá nhân rút kinh nghiệm và khắc phục những tồn tại theo yêu cầu tại Kết luận thanh tra và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm.

Tổ chức đôn đốc và tháo gỡ vướng mắc sau kết luận thanh tra đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

6. Công tác giúp đỡ các xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững năm 2023:

Sở Tài nguyên và Môi trường được phân công, giúp đỡ 04 xã: xã Thanh Bình, thị xã Sa Pa; xã Khánh Yên Thượng, huyện Văn Bàn; xã Vạn Hòa, thành phố Lào Cai; xã Nàn Sín, huyện Si Ma Cai. Mỗi Lãnh đạo Sở làm Tổ trưởng giúp đỡ 01 xã. Năm 2023, các Tổ đã hướng dẫn công tác quy hoạch đất đai và bảo vệ môi trường (trung bình 1 tháng/lần); Hướng dẫn tổ chức tuyên truyền, vận động người dân về vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, xây dựng nhà tắm, bể nước, nhà vệ sinh; hướng dẫn đánh giá hiện trạng và mức độ hoàn thành của các tiêu chí, trên cơ sở đó có biện pháp duy trì và củng cố các tiêu chí đã đạt được trong 19 tiêu chí nông thôn mới;... Trong năm, các Tổ công tác nông thôn mới đã hỗ trợ, giúp đỡ bằng tiền và hiện vật đối với 04 xã trị giá 301,27 triệu đồng. Mức độ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của 04 xã đều đạt 100% Kế hoạch đề ra.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm:

Năm 2023, cùng với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo kế hoạch nhà nước giao, ngành Tài nguyên và Môi trường đã bám sát chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, tích cực, chủ động phối hợp với các đơn vị, địa phương kịp thời giải quyết các khó khăn phát sinh; các nguồn thu của ngành đã đóng góp một phần vào tổng thu ngân sách nhà nước, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội của tỉnh.

Công tác cải cách hành chính được quan tâm chú trọng, từng bước đổi mới. Hệ thống tổ chức bộ máy của ngành tài nguyên và môi trường tiếp tục được kiện toàn, hoàn thiện; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính thực hiện nghiêm túc; công tác tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật được chú trọng, đảm bảo tiến độ được giao, góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh. Việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đảm bảo giải quyết TTHC đúng và trước hạn đạt 98% trở lên.

Công tác thống kê đất đai, lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo tiến độ. Tham mưu cho UBND tỉnh tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ các khó khăn, tồn tại trong thực hiện nhiệm vụ lâu dài và các vấn đề nảy sinh trong công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh. Quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản được chú trọng; kiểm soát, khắc phục ô nhiễm môi trường với nhiều giải pháp tích cực được thực hiện, nhất là các nhà máy sản xuất tại Khu công nghiệp Tăng Loong. Tham mưu khắc phục kịp thời những sự cố môi trường và từng bước giải quyết những bức xúc của nhân dân đối với sai phạm về môi trường. Thực hiện nghiêm túc việc thăm định, cấp phép khai thác nguồn nước và xả nước thải vào môi trường.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra được triển khai hiệu quả, tổ chức thanh tra công tác quản lý nhà nước về đất đai, môi trường, nước, khoáng sản theo kế hoạch. Tham mưu, xử lý kịp thời, đúng quy định theo chỉ đạo của UBND tỉnh, các đơn thư khiếu nại, tố cáo phát sinh về tài nguyên và môi trường và trong giải quyết các thủ tục hành chính. Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã kịp thời phát hiện

những yếu kém, hạn chế và các sai phạm để xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với những tổ chức, cá nhân vi phạm.

2. Khó khăn, vướng mắc:

2.1. Đối với Đề án số 09-ĐA/TU của Tỉnh ủy Lào Cai:

UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương thực hiện 05 dự án thành phần trong Đề án số 09-ĐQ/TU nhưng đến nay vẫn chưa triển khai thực hiện. việc bố trí kinh phí để thực hiện các dự án này chưa được quan tâm đầu tư, do đó, một số nhiệm vụ liên quan đến quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường chưa được triển khai thực hiện đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ, kết quả thực hiện Đề án cũng như thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành.

2.2. Lĩnh vực đất đai:

- Hồ sơ giao đất nông nghiệp trước đây theo ảnh hàng không có độ chính xác không cao dẫn đến chùng chéo, tranh chấp, gây khiếu kiện dẫn đến khó khăn khi thực hiện công tác thu hồi đất giải phóng mặt bằng và công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh.

- Công tác dự báo nhu cầu sử dụng đất tại một số dự án đầu tư chưa chính xác dẫn đến khi thực hiện phải điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng tại một số địa phương còn chậm là do đội ngũ cán bộ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng còn thiếu và yếu, đặc biệt là đội ngũ cán bộ địa chính xã; chính sách bồi thường còn bất cập, chưa được sửa đổi đồng bộ; mức hỗ trợ tái định cư còn thấp cho lên người dân chưa đồng thuận.

- Việc xác định giá đất cụ thể còn có vướng mắc trong quy định của pháp luật cũng như triển khai trong thực tế.

- Một bộ phận người sử dụng đất cố tình không chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác thu hồi đất; có nhiều yêu cầu, đề nghị ngoài quy định của pháp luật, đơn thư khiếu kiện vượt cấp còn nhiều.

2.3. Lĩnh vực khoáng sản:

- Một số quy định, chính sách chưa cụ thể, rõ ràng nên khó khăn cho việc thực hiện: công tác đấu thầu thi công đóng cửa mỏ; thời điểm thu hồi đất, đóng cửa mỏ; việc thu hồi VLXD trong quá trình nạo vét các lòng hồ thủy điện; việc sử dụng quặng IV hoặc tại các khối tài nguyên,... vẫn còn vướng mắc chưa được giải quyết.

- Hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực tế vẫn còn nhỏ lẻ, manh mún, hiệu quả không cao.

- Công tác giải phóng mặt bằng phục vụ sản xuất và triển khai các dự án vẫn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do những tồn tại về chế độ chính sách liên quan đến đất đai, ý thức chấp hành của bản thân doanh nghiệp và người dân,...

- Một số mỏ, dự án do vướng mắc về GPMB, chậm đưa vào hoạt động: Apatit Phú Nhuận, KT 19A, graphit Bảo Hà và một số mỏ vật liệu do UBND tỉnh cấp,...

- Một số mỏ khoáng sản (mỏ vàng gốc) nằm ở vùng sâu, vùng xa, địa hình khó khăn; một số thời điểm diễn ra tình trạng khai thác trái phép. Do vậy, công tác quản lý, bảo vệ và đảm bảo an ninh rất khó khăn cho địa phương.

- Công tác chỉ đạo, điều hành của một số địa phương trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác còn chưa được sát sao, chặt chẽ và chưa đạt hiệu quả cao; Việc xử lý vi phạm trong hoạt động khoáng sản theo thẩm quyền chưa kiên quyết và chưa triệt để dẫn đến việc khai thác, tập kết, vận chuyển, tiêu thụ cát, sỏi không có thủ tục pháp lý đôi khi còn xảy ra (Bảo Thắng, Bát Xát, thành phố Lào Cai,...).

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2024

Năm 2024, là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cả nhiệm kỳ 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội các cấp, hoàn thành các mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021-2025, góp phần triển khai các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, nền kinh tế nước ta tiếp tục chịu “tác động tiêu cực kép” từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong; thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là trong điều hành kinh tế vĩ mô, vừa phải kiểm soát lạm phát, vừa phải thúc đẩy tăng trưởng. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như của ngành trong năm 2024. Thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 01/12/2023 của Tỉnh ủy Lào Cai với chủ đề “**Đoàn kết – Kỷ cương – Sáng tạo – Hành động – Phát triển**”, toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành Tài nguyên và Môi trường nỗ lực vượt mọi khó khăn, thách thức, tận dụng thời cơ thuận lợi, ra sức phấn đấu, quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2024, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cụ thể:

1. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Lãnh đạo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị được Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao.

Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, tiếp tục tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động triển khai thực hiện nghiêm túc, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII của tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Sở; 18 Đề án trọng tâm của tỉnh, đặc biệt là Đề án số 09-ĐA/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh với nội dung, hình thức thiết thực, hiệu quả.

2. Tập trung, ưu tiên nguồn lực, triển khai thực hiện có hiệu quả nhằm hoàn thành các mục tiêu Đề án số 09-ĐA/TU của Tỉnh ủy Lào Cai về “Tăng cường

quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2020-2025” năm 2024.

3. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, tập trung xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số. Rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật. Cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ chủ trương, đường lối, nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng; bảo đảm tiến độ và chất lượng xây dựng văn bản QPPL năm 2024.

Rà soát cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định. Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; bố trí và sử dụng biên chế theo đúng vị trí việc làm và khung năng lực, đảm bảo đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu. 100% công chức, viên chức được đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ theo tháng

Tích cực rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho tổ chức, doanh nghiệp trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường... góp phần nâng cao hiệu quả huy động, sử dụng các nguồn lực cho sản xuất kinh doanh. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị trong công tác xây dựng, ban hành, rà soát, kiểm tra và thực thi văn bản quy phạm pháp luật.

Tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh; không để phát sinh thủ tục, quy định kinh doanh, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật mới không phù hợp, thiếu tính khả thi nhằm tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. Phấn đấu cắt giảm từ 30-50% thời gian giải quyết đối với 30% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở. Thực hiện các giải pháp để nâng cao chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số CCHC (PAR Index), chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI); Kế hoạch Chuyển đổi số và cải thiện chỉ số DTI tỉnh Lào Cai năm 2024.

4. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước: Kịp thời động viên khen thưởng các cá nhân, đơn vị điển hình có cách làm sáng tạo trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, tạo khí thế thi đua lao động, sản xuất hoàn thành tốt kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2024. Phấn đấu năm 2024, 100% công chức, viên chức, người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ, 20% CCVC hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

5. Tham mưu quản lý chặt chẽ đất đai theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân và doanh nghiệp, tạo thuận lợi nhất trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Làm tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai các dự án. Đẩy nhanh tiến độ thẩm định giá đất làm cơ sở thực hiện đấu giá thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo kế hoạch.

Tập trung rà soát điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu sử dụng đất trong Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021 - 2025.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đối với các dự án tạo ra quỹ đất công trên địa bàn tỉnh để đảm bảo có mặt bằng và thực hiện trích đo đưa đất vào đấu giá theo đúng kế hoạch thu tiền sử dụng đất đã được phê duyệt. Rà soát, khảo sát đo đạc, xác định ranh giới, mốc giới, lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất và có lộ trình giải quyết tranh chấp, lấn chiếm (nếu có) để làm cơ sở quản lý quỹ đất công theo quy định.

6. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác; tiếp tục thực hiện cấp giấy phép khai thác khoáng sản thông qua đấu giá. Tăng cường phối hợp với các địa phương trong công tác kiểm tra hoạt động khai thác, chế biến, tiêu thụ khoáng sản trên địa bàn, kiểm soát chặt chẽ sản lượng khai thác, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong quá trình khai thác, chế biến, tiêu thụ khoáng sản hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản. Chủ động giám sát và tham mưu chỉ đạo tổ chức truy quét, xử lý ngay hoạt động khoáng sản trái phép, đặc biệt là cát, sỏi; kiểm điểm trách nhiệm người đứng đầu theo quy định trong trường hợp để xảy ra hoạt động khoáng sản trái phép lâu dài...

7. Tham mưu thực hiện công tác quản lý, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo đúng quy định. Quản lý việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước đúng mục đích; quản lý, cập nhật danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh và danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở lưu vực các dòng sông xuyên biên giới. Hướng dẫn, đôn đốc các chủ đầu tư lắp đặt hệ thống giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước, báo cáo tình hình quan trắc, truyền thông tin về khí tượng thủy văn của các chủ công trình thuộc đối tượng trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện dự án kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 đảm bảo tiến độ.

8. Tập trung kiểm soát chặt chẽ, xử lý các cơ sở, các khu, cụm công nghiệp, lưu vực sông, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, các khu, cụm công nghiệp, lưu vực sông, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm; tăng cường quản lý thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt cỏ. Kiên quyết xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; xử lý nghiêm khắc, chặt chẽ đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, đặc biệt đối với những trường hợp cố tình gây ô nhiễm hoặc những hành vi vi phạm được lặp lại nhiều lần nhưng không có biện pháp khắc phục. Tiếp tục tăng cường quản lý, xử lý có hiệu quả chất thải rắn, chất thải nguy hại. Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại các địa phương trên địa bàn tỉnh. Triển khai có hiệu quả Đề án “Giảm ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025”.

9. Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch, đột xuất theo chỉ đạo của UBND tỉnh, kịp thời phát hiện, ngăn chặn triệt để tình trạng quản lý và khai thác, sử dụng trái phép tài nguyên thiên nhiên. Giám sát, đôn đốc việc thực hiện các Kết luận thanh, kiểm tra. Tham mưu xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm pháp

lượt hoặc không chấp hành quy định. Tiếp nhận, xử lý đơn thư của công dân theo đúng thẩm quyền, không để tồn đọng, kéo dài.

10. Tăng cường, đổi mới bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tài nguyên, môi trường trên địa bàn tỉnh (*ưu tiên cho lĩnh vực đất đai, khoáng sản và môi trường*).

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường có một số đề xuất, kiến nghị như sau:

I. Kiến nghị với Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương

1. Đối với lĩnh vực đất đai: Sau khi Luật đất đai sửa đổi được ban hành, sớm rà soát các quy định pháp Luật, hướng dẫn địa phương kịp thời áp dụng triển khai thực hiện một cách thống nhất và đồng bộ.

2. Đối với lĩnh vực khoáng sản:

- Xem xét, nghiên cứu và đưa vào dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản theo hướng chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ tại văn bản số 4457/VPCP-CN ngày 16/6/2023 về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong cấp phép khoáng sản làm VLXDĐT. Trong đó, nghiên cứu đưa đất, đá, sỏi, cát là VLXDĐT ra khỏi danh mục khoáng sản. Đồng thời, xem xét sửa đổi quy định về vượt công suất đối với các mỏ VLXDĐT theo hướng linh hoạt theo thị trường, tránh mâu thuẫn, vướng mắc với quy định tại Điều 227 Bộ Luật Hình sự 2015.

- Xem xét bỏ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản sản đổi với vật liệu xây dựng thông thường tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP của Chính phủ. Do hiện nay nhu cầu cấp thiết đối với loại khoáng sản này để phục vụ cho việc đầu tư xây dựng các dự án, công trình phục vụ phát triển KTXH của địa phương và đất nước. Đối với các mỏ khoáng sản khác quy định về mặt bằng sạch trước khi tổ chức đấu giá để sau khi đấu giá thành công có thể thực hiện ngay việc khai thác.

II. Đề nghị với UBND tỉnh

1. Quan tâm cân đối biên chế giữa các ngành trong tỉnh để bổ sung thêm biên chế cho Sở nhằm đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ ngày càng nhiều của ngành được giao.

2. Tạo điều kiện chỉ định đặt hàng cho các đơn vị sự nghiệp của Sở để thực hiện các nhiệm vụ chính trị trong lĩnh vực của ngành (*ưu tiên xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước và môi trường*).

3. Bố trí kinh phí hàng năm theo Kế hoạch để triển khai thực hiện Đề án số 09 của Tỉnh ủy; kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường để đầu tư cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường; kinh phí xử lý 02 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

4. Ưu tiên bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ cho các huyện đầu tư nâng cấp về cơ sở hạ tầng xử lý chất thải sinh hoạt cho các huyện, thành phố đáp ứng được yêu cầu, xử lý đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Chỉ đạo các sở, ngành có liên quan rà soát, đề xuất sửa đổi cơ chế chính về sách thu gom, xử lý rác thải đáp ứng yêu cầu thực tế.

5. Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố, thị xã: Quan tâm chỉ đạo, đôn đốc công tác GPMB đối với các dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất. Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động khai thác, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu khoáng sản trên địa bàn, kiểm soát chặt chẽ sản lượng khai thác, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong quá trình khai thác, chế biến, tiêu thụ khoáng sản hoặc báo cáo UBND tỉnh xử lý kể cả thu hồi hoặc đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản. Chủ động giám sát và tổ chức truy quét, xử lý ngay hoạt động khoáng sản trái phép, đặc biệt là cát, sỏi; kiểm điểm trách nhiệm người đứng đầu theo quy định trong trường hợp để xảy ra hoạt động khoáng sản trái phép lâu dài, gây bức xúc trong dư luận,...

Trên đây là báo cáo kết quả công tác năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 ngành Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính;
- UBND các huyện, tx, tp Lào Cai;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Hồ Cao Khải

PHỤ BIỂU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày / /2023 của Sở TNMT)

Chỉ tiêu nhiệm vụ	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Đầu năm đến kỳ báo cáo	% TH/KH
I. Đo đạc địa chính				
a. Trích lục bản đồ địa chính		5,800	17,887	308.40
- Tổ chức	Thửa	500	1,270	254.00
- Hộ gia đình, cá nhân	Thửa	5,300	16,617	313.53
b. Trích đo địa chính		2,085	3,938	188.87
- Tổ chức	Thửa	30	162	540.00
- Hộ gia đình, cá nhân	Thửa	2,055	3,776	183.75
II. Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, CMD sử dụng đất của tổ chức				
- Giao đất	Hồ sơ	8	9	112.50
- Thuê đất	Hồ sơ	55	55	100.00
- Thu hồi đất	Hồ sơ	36	42	116.67
- Chuyển mục đích sử dụng đất	Hồ sơ	10	10	100.00
III. Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận QSD đất				
1. Đăng ký, cấp giấy chứng nhận: Lần đầu, cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất				
a. Tổ chức		1,207	504	41.76
- Cấp giấy chứng nhận lần đầu	Giấy	1,200	440	36.67
- Cấp đổi, cấp lại GCN	Giấy	7	64	914.29
b. Hộ gia đình, cá nhân (đơn lẻ tại các huyện)		3,530	5,346	151.44
- Cấp giấy chứng nhận lần đầu	Giấy	2,250	3,266	145.16
- Cấp đổi, cấp lại GCN	Giấy	1,280	2,080	162.50
2. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, tách thửa, hợp thửa, chuyển mục đích, đính chính sai sót, gia hạn SDD và đăng ký các biến động khác...)				

a. Tổ chức	Hồ sơ	1300	708	54.46
- Cấp mới giấy chứng nhận	Hồ sơ	600	306	51.00
- Đăng ký biến động trên GCNQSD đất đã cấp	Hồ sơ	700	402	57.43
b. Hộ gia đình, cá nhân	Hồ sơ	25000	31900	127.60
- Cấp mới giấy chứng nhận	Hồ sơ	8,400	11,592	138.00
- Đăng ký biến động trên GCNQSD đất đã cấp	Hồ sơ	16,600	20,308	122.34
IV. Đăng ký giao dịch bảo đảm bằng QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất				
a. Tổ chức				
- Đăng ký thế chấp	Hồ sơ	600	1,093	182.17
- Xóa đăng ký thế chấp	Hồ sơ	500	659	131.80
- Đăng ký thay đổi nội dung đã thế chấp	Hồ sơ	50	61	122.00
b. Hộ gia đình, cá nhân				
- Đăng ký thế chấp	Hồ sơ	5,400	5,992	110.96
- Xóa đăng ký thế chấp	Hồ sơ	4,830	5,065	104.87
- Đăng ký thay đổi nội dung đã thế chấp	Hồ sơ	450	814	180.89
V. Quản lý môi trường				
1. Thẩm định báo cáo ĐTM	BC	15	24	160.00
2. Giấy phép môi trường	Hồ sơ	40	43	107.50
VI. Lĩnh vực quan trắc môi trường				
1. Quan trắc môi trường nước mặt	Mẫu	542	542	100.00
2. Quan trắc môi trường nước thải sinh hoạt khu vực thành phố Lào Cai	Mẫu	28	28	100.00
3. Quan trắc, phân tích môi trường không khí xung quanh	Mẫu	252	252	100.00
4. Quan trắc nước mưa axit	Mẫu	60	55	91.67
5. Quan trắc môi trường nước dưới đất	Mẫu	20	20	100.00
6. Quan trắc môi trường đất	Mẫu	36	36	100.00